TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 8 - 2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Quang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Tiền.

Bà Lương Thảo Vy.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Huỳnh Thanh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - An Giang tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 08 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 – An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 369/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2025 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị S, sinh năm 1976 (số căn cước công dân 091176008480); cư trú tại: Tổ 16, ấp TT, xã BS, tỉnh Kiên Giang. Vắng mặt

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Bá B, sinh năm 1968 (số căn cước công dân 089068021794); cư trú tại: Ấp M, xã VTT, tỉnh An Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/4/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Ngô Thị S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông B do quen biết, tìm hiểu nên tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 1992 tuy nhiên đến nay chưa đăng ký kết hôn. Thời

gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên thường xảy ra tranh cãi làm ảnh hưởng hạnh phúc gia đình. Hiện bà và ông B đã ly thân hơn 03 (ba) năm nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông B.

- Về con chung: Có 03 (ba) con chung tên Nguyễn Thị Trúc H, sinh ngày 10/7/1993; Nguyễn Thị Trúc P, sinh ngày 06/7/1995 và Nguyễn Hoàng S1, sinh ngày 27/8/2001. Hiện 03 (ba) con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Bá B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất hôn nhân do vợ chồng tự nguyện xác lập và đến nay chưa đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống giữa ông và bà S xảy ra mâu thuẫn, không thể hàn gắn, hiện đã ly thân hơn 03 (ba) năm nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đồng ý ly hôn với bà S.

- Về con chung: Thống nhất có 03 (ba) con chung như bà S trình bày. Hiện 03 (ba) con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn cư trú tại xã Vĩnh Thạnh Trung, tỉnh An Giang (trước đây là xã Mỹ Phú, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang). Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân khu vực 13 – An Giang thụ lý giải quyết là đúng với quy định pháp luật.

[1.2] Bà S và ông B vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà S và ông B được xác lập trên cơ sở tự nguyện tuy nhiên đến nay ông bà vẫn chưa đăng ký kết hôn là chưa tuân thủ theo quy định pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 do ông bà không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà S với ông B.

[2.2] Về con chung: Xét thấy, các con chung hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà S và ông B thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự: Bà S phải chịu 300.000đ án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Ông B không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 14, Điều 15 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Ngô Thị S và ông Nguyễn Bá B.

- Về con chung: Không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Về án phí dân sự: Bà Nguyễn Thị S phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009804 ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành

án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13 - An Giang).

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- UBND xã Vĩnh Thạnh Trung;
- UBND xã Bình Sơn;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND KV13 – An Giang;
- PTHADS KV13 – An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Quang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tiền **Lương Thảo Vy** **Trần Văn Quang**